TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Giang

2. Bà Vương Thị Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Hoàng A, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Mai Anh T, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Bùi Hoàng A trình bầy: Tôi và chị Mai Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 16/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên từ đó quan điểm sống của vợ chồng bất đồng và dẫn đến mâu thuẫn xảy ra. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị T.

Về con chung: Có 02 cháu: Bùi Ngọc D sinh ngày 05/12/2012; Bùi Quế C sinh ngày 20/11/2014. Hiện nay cháu D đang ở cùng tôi, cháu C đang ở cùng chị T. Khi ly hôn tôi và chị T đã thỏa thuận tôi nuôi cháu D, chị T nuôi cháu C. Không

bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Công việc của tôi hiện nay kinh doanh thu nhập một tháng 10.000.000đồng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Mai Anh T trình bầy: Tôi và anh Bùi Hoàng A kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 16/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường xuyên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh Bùi Hoàng A xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 cháu: Bùi Ngọc D sinh ngày 05/12/2012; Bùi Quế C sinh ngày 20/11/2014. Hiện nay cháu C đang ở cùng tôi. Cháu D đang ở cùng anh A. Khi ly hôn tôi và anh A thỏa thuận tôi nuôi cháu C, anh A nuôi cháu D. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bùi Hoàng A được ly hôn chị Mai Anh T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Bùi Ngọc D cho anh Bùi Hoàng A nuôi dưỡng. Xử giao cháu Bùi Quế C cho chị Mai Anh T nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Bùi Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hoàng A và chị Mai Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 16 tháng 5 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Anh Bùi Hoàng A và chị Mai Anh T đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai anh chị đều cho rằng do tính cách vợ chồng không hợp nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh Bùi Hoàng A xin ly hôn. Chị Mai Anh T đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào lời trình bầy của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh Bùi Hoàng A xin ly hôn. Chị Mai Anh T đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh Bùi Hoàng A và chị Mai Anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh A được ly hôn chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Bùi Ngọc D sinh ngày 05/12/2012; Bùi Quế C sinh ngày 20/11/2014. Khi ly hôn anh A nhận nuôi cháu D và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý. Chị T nhận nuôi cháu C và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, anh A đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu D cho anh A nuôi dưỡng. Giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Nguyện vọng nuôi con chung của anh A và chị T không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Bùi Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Hoàng A được ly hôn chị Mai Anh T.

2. Về con chung:

Xử giao cháu Bùi Ngọc D sinh ngày 05/12/2012 cho anh Bùi Hoàng A trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Xử giao cháu Bùi Quế C sinh ngày 20/11/2014 cho chị Mai Anh T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Bùi Hoàng A phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003288 ngày 27/4/2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh Bùi Hoàng A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.
- Lưu HS-TQĐ(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng